

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



**HỢP ĐỒNG HỢP TÁC CUNG CẤP DỊCH VỤ
MIỄN CƯỚC Ở NGƯỜI GỌI - 1800**

Số:...../HTC-...../VAS-2018

- Căn cứ Bộ luật Dân sự được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005 có hiệu lực thi ngày 01/01/2006;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2006;
- Căn cứ theo nhu cầu của khách hàng và khả năng cung cấp dịch vụ của Trung tâm kinh doanh và phát triển dịch vụ IPHTC

Hợp Đồng Hợp Tác Cung Cấp Dịch Vụ Thoại Trên Mạng Viễn Thông (sau đây gọi tắt là "**Hợp Đồng**") được lập và ký ngày.....thángnăm 2017, tại số 2 Chùa Bộc, Đống Đa, Hà Nội giữa các bên sau đây:

1. Bên A : CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG HÀ NỘI (HTC)

Địa chỉ : Số 2 Chùa Bộc, Quận Đống Đa , Hà Nội

Điện thoại : 04 5729833 Fax: 04 5729834

Tài khoản : 002041044041

Tại Ngân hàng : Ngân hàng HSBC Hà Nội - 23 Phan Chu Trinh, Tp. Hà Nội

Mã số thuế : 0101189672

Đại diện : Ông Nguyễn Xuân Thành Chức vụ: PGĐ Trung tâm truyền dẫn

(Theo giấy ủy quyền số: 04/GUQ-HTC ngày 1/7/2018 của Tổng Giám đốc Công ty CP Viễn thông Hà nội)

(Sau đây gọi tắt là "**Bên A**").

VÀ

2. Bên B :

Địa chỉ :

Điện thoại : Fax:

Tài khoản :

Tại Ngân hàng :

Mã số thuế :

Đại diện : Chức vụ:

(Sau đây gọi tắt là "**Bên B**").

(Bên A và Bên B được gọi chung dưới đây là "Các Bên" hoặc gọi riêng là "Mỗi Bên" hoặc "Một Bên")

XÉT RẰNG:

- Bên A là một doanh nghiệp Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác mạng lưới dịch vụ thông tin di động tại Việt Nam;
- Bên B là một tổ chức có nhu cầu sử dụng dịch vụ 1800 ;
- Bên A và Bên B mong muốn cùng hợp tác để khai thác và cung cấp dịch vụ nội dung tới khách hàng là thuê bao trên mạng viễn thông HTC và các mạng HTC đầu nối.

Để thực hiện những mục tiêu nêu trên, hai bên thỏa thuận và cam kết như sau:

Điều 1: Giải thích từ ngữ

Công ty cổ phần viễn thông Hà Nội: là đơn vị quản lý, khai thác và kinh doanh dịch vụ viễn thông

Công ty : là đơn vị trực tiếp hợp tác với IP HTC để cung cấp dịch vụ miễn cước ở người gọi.

Dịch vụ 1800: là dịch vụ cho phép người sử dụng thực hiện cuộc gọi miễn phí tới một hay nhiều số đích khác nhau thông qua một số điện thoại thống nhất trên toàn mạng. Toàn bộ cước phí sử dụng dịch vụ của người gọi sẽ được tính cho thuê bao đăng ký dịch vụ 1800 với IP HTC.

Khách hàng: là thuê bao di động, thuê bao cố định và thuê bao cố định không dây của HTC, VNPT, Viettel... sử dụng dịch vụ.

Điều 2: Nội dung hợp tác

2.1 Bên A đồng ý cung cấp dịch vụ 1800 cho bên B để bên B khai thác với các thỏa thuận và cam kết theo các điều khoản của Hợp đồng này.

- Chi tiết số dịch vụ miễn cước người gọi bên B cung cấp cho bên A như sau:

STT	Đầu số	Nội dung dịch vụ
1	1800400xxx	Hỗ trợ khách hàng

2.2 Các quy định cụ thể trong quá trình hợp tác kinh doanh khai thác Dịch Vụ trên mạng viễn thông HTC được quy định tại Phụ lục kèm theo Hợp Đồng.

Điều 3: Trách nhiệm của Bên A:

Bên A có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

- 3.1 Xây dựng, triển khai và đảm bảo hoạt động cho các chương trình được cài đặt trên hệ thống của Bên A, bao gồm các chương trình phục vụ cung cấp Dịch Vụ đến khách hàng là thuê bao di động, thuê bao cố định không dây của Bên A và các chương trình phục vụ kết nối, trao đổi, cung cấp dữ liệu cho Bên B;
- 3.2 Đảm bảo chất lượng và duy trì hoạt động ổn định của mạng lưới theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, đáp ứng các yêu cầu sử dụng Dịch Vụ của khách hàng;
- 3.3 Có trách nhiệm ghi cước, tính cước, thu cước và phát hành hoá đơn khách hàng theo thoả thuận của hai bên.
- 3.4 Thông báo bằng văn bản cho Bên B biết những thay đổi (nếu có) về cước dịch vụ trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- 3.5 Đảm bảo đường truyền hoạt động ổn định 24/24. Khi có sự cố xảy ra, hai Bên A sẽ thông báo cho nhau để phối hợp cùng Bên B xử lý sự cố.
- 3.6 Thực hiện các nghĩa vụ khác quy định tại Hợp Đồng.

Điều 4: Trách nhiệm của Bên B.

Bên B có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

- 4.1 Sử dụng dịch vụ theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng và các quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông và Pháp luật Việt Nam.
- 4.2 Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin được cung cấp qua hệ thống Dịch Vụ trên mạng Viễn thông HTC, đảm bảo các nội dung thông tin này là hợp pháp, không trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của Việt Nam và đảm bảo rằng Bên B có quyền sở hữu hoặc sử dụng, cung cấp các thông tin đó một cách hợp pháp thông qua hệ thống Dịch Vụ. Bên B sẽ chịu mọi trách nhiệm liên quan đến nội dung của thông tin được cung cấp qua hệ thống Dịch Vụ bao gồm nhưng không giới hạn trách nhiệm giải quyết các khiếu nại, yêu cầu của bên thứ ba liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ và bất kỳ khiếu nại nào khác đối với nội dung thông tin được cung cấp qua hệ thống Dịch Vụ; bồi thường thiệt hại cho Bên A và/hoặc bên thứ ba (nếu có) do các hành vi vi phạm của mình gây ra,
- 4.3 Chịu trách nhiệm đầu tư các thiết bị phần cứng phục vụ truyền dẫn tại các điểm kết nối (Router, Modem, thiết bị bảo mật, ...);
- 4.4 Chịu trách nhiệm thiết lập tuyến truyền dẫn kết nối từ hệ thống ứng dụng của Bên B đến điểm kết nối tại Hệ thống của Bên A;
- 4.5 Phối hợp, tạo điều kiện và đảm bảo an toàn cho Bên A trong quá trình cung cấp dịch vụ, bảo dưỡng và kiểm tra chất lượng dịch vụ tại địa điểm của Bên A.
- 4.6 Chịu trách nhiệm quảng bá Dịch Vụ trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Hợp Đồng và các bản Phụ Lục kèm theo. Bên B cam kết và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chân thực và chính xác của các thông tin quảng cáo giới thiệu Dịch Vụ đến khách hàng. Bên B cũng cam kết sẽ niêm yết cụ thể, chính xác giá sử dụng Dịch Vụ trong mọi hình thức quảng cáo và giới thiệu Dịch Vụ do Bên B tiến hành. Trong trường hợp Bên B vi phạm quy định này, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng mà không cần phải thông báo trước cho Bên B;
- 4.7 Thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết để bảo mật hệ thống của mình, tránh hiện tượng truy cập trái phép vào mạng lưới của Bên A thông qua hệ thống của Bên ;
- 4.8 Có trách nhiệm thanh toán cước đủ, đúng hạn và chịu mọi chi phí (chuyên tiền, phí ngân hàng và các chi phí khác liên quan) phát sinh khi thanh toán cước để đảm bảo Bên A nhận được đủ số tiền cước trong hóa đơn cước hàng tháng.
- 4.9 Không cho phép bất kỳ cá nhân, tổ chức khác sử dụng dịch vụ để kinh doanh trái phép các dịch vụ dưới bất kỳ hình thức nào.
- 4.10 Là đầu mối tiếp nhận, giải quyết và phối hợp với Bên A giải quyết các khiếu nại của khách hàng sử dụng Dịch Vụ;
- 4.11 Trước khi tiến hành nâng cấp hoặc thử nghiệm hệ thống ứng dụng Dịch Vụ, Bên B sẽ thông báo trước cho Bên A bằng văn bản ít nhất 03 ngày làm việc và việc nâng cấp và thử nghiệm hệ thống Dịch Vụ chỉ được Bên B thực hiện khi được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A. Trong trường hợp Bên A nhận thấy việc nâng cấp hoặc thử nghiệm hệ thống ứng dụng Dịch Vụ có thể làm ảnh hưởng đến hệ thống của Bên A, Bên A có quyền yêu cầu Bên B không tiến hành việc nâng cấp và thử nghiệm hệ thống Dịch Vụ này. Nếu Bên B không đồng ý với yêu cầu này, Bên A có quyền (i) ngay lập tức dừng mọi kết nối giữa hệ thống của Bên

- A với hệ thống của Bên B; (ii) Bên B được quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng mà không cần báo trước cho Bên B; và (iii) yêu cầu Bên B bồi thường mọi thiệt hại phát sinh.
- 4.12 Thanh toán đầy đủ, đúng hạn mọi khoản cước phí dịch vụ đã sử dụng theo Quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông và các điều khoản trong Hợp đồng này.
- 4.13 Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng.

Điều 5: Cước Dịch vụ 1800

- 5.1 **Thời gian tính cước:** Từ 0h ngày đầu tháng cho đến 24h ngày cuối cùng của tháng. Cước được tính kể từ ngày ký kết hợp đồng giữa hai bên.
- 5.2 **Phương thức tính cước:** 1phút+1phút. Thời gian tính cước áp dụng từ giây thứ 10 trở đi.
- 5.3 **Giá cước dịch vụ:**

TT	Cước gọi từ thuê bao của HTC và các mạng HTC kết nối (VNPT, Viettel...)	Giá cước (VNĐ/phút) (chưa bao gồm 10% VAT)
1	Điện thoại Di động, cố định, điện thoại cố định không dây ...	700

- 5.4 **Cước cài đặt dịch vụ 1800 thoại:** Miễn phí.
- 5.5 **Cước thuê đầu số:** 300,000 đồng/tháng/số (Ba trăm ngàn đồng 1 tháng)
- Khi Bên B không muốn tiếp tục một đầu số, Bên B gửi yêu cầu bằng văn bản cho Bên A để thu hồi đầu số. Khi đó Bên A có thể cấp đầu số trên cho đối tác khác.
- 5.6 **Thay đổi cước:** Trong quá trình thực hiện hợp đồng, cước thuê bao hàng tháng, cước dịch vụ có thể thay đổi theo quy định của Công ty Viễn thông số. Trong trường hợp này, Bên A sẽ có thông báo bằng văn bản cho Bên B và thời điểm áp dụng cước mới được thực hiện theo văn bản cước của Bên A. Văn bản thông báo của Bên A cho Bên B về việc áp dụng cước mới là văn bản bổ sung và thay đổi hợp đồng, văn bản thông báo này có hiệu lực mà không cần Bên B xác nhận hay ký vào văn bản.

Điều 6: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 6.1. Loại tiền thanh toán:

Thanh toán bằng tiền Việt Nam đồng

- 6.2. Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản.

Tên Chủ tài khoản: CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG HÀ NỘI

Số tài khoản: 002041044041

Mở tại: Ngân hàng HSBC Hà Nội - 23 Phan Chu Trinh, Tp. Hà Nội

- 6.3. Phương thức thanh toán:

Hóa đơn phải được xuất theo từng tháng trên cơ sở lưu lượng sử dụng dịch vụ thực tế trong tháng trước đó. Hàng tháng Hanoi Telecom phải gửi hóa đơn đến cho CÔNG TY trước ngày **10 của tháng** tiếp theo. CÔNG TY có nghĩa vụ phải thanh toán toàn bộ giá trị ghi trên hóa đơn trong vòng **30 ngày** kể từ ngày nhận hóa đơn. Chi phí được tính từ cuộc gọi đầu tiên. Việc thanh toán phải được chuyển khoản theo phụ lục B. Các chi phí ngân hàng và ngân hàng trung gian do Bên nợ chịu trách nhiệm thanh toán.

- 6.4. Hạn mức tín dụng:

Hạn mức tín dụng cấp cho CÔNG TY sử dụng dịch vụ của Hanoi Telecom trong phạm vi hợp đồng này là **Mười triệu (10.000.000) Việt Nam Đồng**, hạn mức này có thể được thay đổi theo quy định và được sự đồng ý của Hanoi Telecom. Hanoi Telecom có quyền đề nghị tăng hay giảm hạn mức tín dụng bằng việc thông báo bằng văn bản trước 3 ngày cho CÔNG TY. Trong bất kỳ thời điểm nào Hanoi Telecom nhận thấy tổng số các khoản phải trả tích lũy bao gồm (i) các khoản phải trả đã xuất hóa đơn nhưng CÔNG TY chưa thanh toán cộng với (ii) các khoản phải trả CÔNG TY đang sử dụng trong kỳ chưa được xuất hoá đơn đã đạt đến hoặc vượt quá hạn mức tín dụng cho phép nêu trên, Hanoi Telecom sẽ gửi một email yêu cầu CÔNG TY phải thanh toán ngay lập tức một khoản giá trị phải trả được quyết định bởi Hanoi Telecom nhằm đảm bảo (i) tổng số các khoản phải trả tích lũy của CÔNG TY không vượt quá hạn mức tín dụng cho phép và (ii) hạn mức tín dụng sẽ được đảm bảo không bị vượt quá trước kỳ xuất hóa đơn tiếp theo. Hanoi Telecom có quyền tạm ngừng cung cấp dịch vụ mà không cần phải báo trước nếu CÔNG TY không thực thi ngay lập tức việc thanh toán khoản giá trị phải trả nêu trên.

- 6.5. Tạm ngừng. CÔNG TY phải thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn. Hanoi Telecom có quyền tạm ngừng cung cấp dịch vụ sau khi gửi đi một văn bản thông báo trước 24 giờ nếu CÔNG TY không thanh toán toàn bộ giá trị phải thanh toán trong thời hạn nêu trên.
- 6.6. Phạt lãi suất: Nếu đến ngày đáo hạn một Bên không nhận được khoản thanh toán của Bên kia, Bên chậm thanh toán nợ phải chịu phạt một khoản chi phí tối thiểu 1,5%/tháng hoặc theo tỷ lệ tối đa mà pháp luật cho phép. Một Bên nợ quá hạn thanh toán 45 ngày phải chịu trách nhiệm thanh toán các phí tổn luật sư và các chi phí hồ sơ của Bên thu nợ.
- 6.7. Trách nhiệm thanh toán. Mỗi Bên phải tự chịu trách nhiệm tính cước và thu cước từ các khách hàng riêng của mình. Các Bên không chịu trách nhiệm thanh toán khoản chi phí có liên quan tới khách hàng của Bên kia. Trong mọi trường hợp cả hai Bên không phải chịu trách nhiệm cho các vấn đề gian lận hay không thể tính cước cuộc gọi, cho các khoản tín dụng khác của Bên kia, hoặc các khoản nợ xấu khác, hoặc số tiền đã chi không thể thu được của Bên kia. Tuy nhiên, không có điều khoản nào trong Hợp đồng này ngăn cấm các Bên ngay lập tức đưa ra những biện pháp để ngăn chặn các cuộc gọi gian lận.
- 6.8. Tranh chấp: Bên này sẽ thông báo cho Bên kia các khoản yêu cầu thanh toán bất đồng mà chiếm hơn 1% của tổng giá trị được chỉ ra theo diễn giải của Bên kia. Bất kỳ một yêu cầu điều chỉnh hóa đơn cước phải được gửi bằng một thông báo tranh chấp và được giải quyết trên tinh thần thiện chí trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn. Trong khuôn khổ Hợp đồng này, thông báo về tranh chấp có nghĩa là một thông điệp thư điện tử phải bao gồm các thông tin sau:
 - 1) Hướng tranh chấp (xác định chi tiết các hướng tranh chấp);
 - 2) Tổng số tiền tranh chấp;
 - 3) Loại tranh chấp (ví dụ: giá, phút, hoặc mã vùng);
 - 4) Nếu tranh chấp về giá, mức giá yêu cầu theo từng hướng tranh chấp
 - 5) Nếu tranh chấp về phút, số phút yêu cầu và chi tiết các cuộc gọi có liên quan cho các hướng tranh chấp; và
 - 6) Nếu tranh chấp theo mã vùng, các mã yêu cầu và các cước có liên quan đối với từng hướng tranh chấp.

Các chi tiết trong Thông báo Tranh chấp phải được cung cấp riêng cho từng hóa đơn, tranh chấp sẽ không được chấp nhận trong khi chưa có đầy đủ các thông tin theo yêu cầu. Hoá đơn được coi là chấp nhận, nếu không nhận được các khiếu nại bằng văn bản trong vòng mười lăm (15) ngày. Khi có phát sinh tranh chấp, CÔNG TY vẫn có nghĩa vụ phải thanh toán đầy đủ theo hóa đơn phần không bị tranh chấp theo đúng thời hạn. Trong trường hợp xác minh được nguyên nhân phát sinh tranh chấp, thì phần chênh lệch sẽ được điều chỉnh vào hóa đơn của kỳ

kế tiếp sau khi có biên bản giải quyết tranh chấp. Trong trường hợp tranh chấp không thể được các Bên giải quyết trên tinh thần thiện chí, thì sẽ được giải quyết theo mục 11.

Trong trường hợp các Bên không thể giải quyết các tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày sau ngày xuất hóa đơn, Hanoi Telecom có quyền ngừng cung cấp các Dịch vụ.

Nếu tại bất kỳ thời điểm nào đó có sự thay đổi bất lợi về khả năng thanh toán nợ của CÔNG TY, Hanoi Telecom có quyền chủ động áp dụng một hoặc nhiều biện pháp sau đây:

- (i) từ chối cung cấp Dịch vụ,
- (ii) ngưng cung cấp Dịch vụ;
- (iii) từ chối yêu cầu cung cấp các Dịch vụ của CÔNG TY mà Hanoi Telecom có nghĩa vụ thực hiện.
Sự thay đổi bất lợi về khả năng thanh toán nợ của CÔNG TY bao gồm nhưng không giới hạn:
 - (a) CÔNG TY thanh toán nợ không đúng theo các quy định của Hợp đồng hoặc bất kỳ thỏa thuận khác với Hanoi Telecom;
 - (b) CÔNG TY không bổ sung khoản thanh toán trả trước làm cho Hanoi Telecom phải tạm ngưng cung cấp Dịch vụ trong ba (3) lần hoặc nhiều hơn trong thời gian mười hai (12) tháng, hoặc phải tạm ngưng các Dịch vụ trong hai (2) tháng liên tiếp;
 - (c) CÔNG TY bị mua lại (toàn bộ hoặc phần lớn hoặc nắm quyền kiểm soát) bởi một pháp nhân khác đang trong quá trình bị phá sản hoặc giải thể hoặc trong quá khứ đang nợ Hanoi Telecom hay bất kỳ tổ chức liên kết với Hanoi Telecom hoặc pháp nhân đó có rủi ro tín dụng cao hơn CÔNG TY; hoặc
 - (d) CÔNG TY là đối tượng sắp bị phá sản hoặc đang trong quá trình giải thể hoặc có liên quan đến các thủ tục pháp lý giải thể doanh nghiệp.

Điều 7. Bảo mật

- 7.1 Các bên có trách nhiệm phải giữ kín tất cả những thông tin liên quan tới Hợp Đồng và Phụ lục Hợp đồng mà mình nhận được từ phía bên kia trong suốt thời hạn của Hợp đồng.
- 7.2 Mỗi bên không được tiết lộ cho bất cứ bên thứ ba nào bất kỳ thông tin nói trên trừ trường hợp được chấp thuận bằng văn bản của bên kia hoặc do cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.
- 7.3 Mỗi Bên phải tiến hành mọi biện pháp cần thiết để đảm bảo rằng không một nhân viên nào hay bất cứ ai thuộc sự quản lý của mình vi phạm điều khoản này.

Điều 8. Sửa đổi, tạm ngưng thực hiện và chấm dứt Hợp Đồng

- 8.1 Bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung nào đối với Hợp đồng sẽ chỉ có hiệu lực khi có thỏa thuận bằng văn bản của Các Bên.
- 8.2 Tạm ngưng thực hiện Hợp đồng: là việc bên A tạm thời không thực hiện một số hoặc toàn bộ các nghĩa vụ của Bên A quy định tại Hợp đồng trong một thời hạn do Bên A quyết định trong các trường hợp sau:
 - a) Trường hợp khẩn cấp: Bên A phát hiện thấy có dấu hiệu bất thường trong quá trình hợp tác với Bên B mà kết quả có thể dẫn đến thiệt hại cho Bên A hoặc gây ảnh hưởng bất lợi đến khách hàng (Bên A không có nghĩa vụ phải đưa ra bằng chứng để chứng

minh). Trong trường hợp này, Bên A có thể tiến hành tạm dừng việc cung cấp dịch vụ trên các đầu số của Bên B hoặc các nghĩa vụ khác có liên quan của Bên A theo Hợp đồng và có văn bản thông báo cho Bên B trong vòng 02 ngày kể từ ngày tạm dừng; hoặc

- b) Bên A phát hiện Bên B vi phạm các điều khoản trong Hợp Đồng và/hoặc Bên B không khắc phục các vi phạm này trong thời hạn mà Bên A quy định, thông báo cho Bên B và/hoặc Bên B không thanh toán tiền phạt vi phạm theo thỏa thuận tại Hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên A phải gửi thông báo trước cho Bên B 01 ngày trước khi tạm dừng dịch vụ.

8.3 Hợp Đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:

- a) Hợp Đồng hết hạn và Các Bên không gia hạn Hợp Đồng; hoặc
- b) Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn; trong trường hợp đó, Các Bên sẽ thỏa thuận về các điều kiện cụ thể liên quan tới việc chấm dứt Hợp Đồng; hoặc
- c) Một trong Các Bên ngưng kinh doanh, không có khả năng chi trả các khoản nợ đến hạn, lâm vào tình trạng hoặc bị xem là mất khả năng thanh toán, có quyết định giải thể, phá sản. Trong trường hợp này Hợp Đồng sẽ kết thúc bằng cách thức do hai bên thỏa thuận và/hoặc phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành; hoặc
- d) Bên A đơn phương chấm dứt Hợp Đồng trong các trường hợp quy định tại Điều 4.2, Điều 4.6, Điều 4.7, Điều 4.12;
- e) Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng nếu hết thời hạn tạm ngừng thực hiện Hợp đồng quy định tại Điều 8.2 mà Bên B vẫn không khắc phục vi phạm hoặc không thanh toán tiền phạt vi phạm hoặc Bên A xét thấy việc hợp tác với Bên B không đem lại lợi ích cho Bên A.

8.4 Thu hồi số dịch vụ: Bên A đơn phương thu hồi số dịch vụ đã cấp cho Bên B và kết thúc hợp đồng trong các trường hợp Bộ Thông tin và Truyền thông có quyết định thu hồi số.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp

9.1 Bên A được miễn trừ hoàn toàn mọi trách nhiệm liên quan đến các tranh chấp về bản quyền tác giả, sở hữu trí tuệ và các tranh chấp khác có liên quan trong quá trình cung cấp Dịch Vụ. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp có liên quan đến việc cung cấp Dịch Vụ, Bên B chịu trách nhiệm giải quyết tranh chấp và chịu mọi phí tổn liên quan.

9.2 Các Bên cùng có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nội dung Hợp Đồng. Mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến Hợp Đồng trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng giữa các bên. Nếu việc giải quyết không đạt được bằng thương lượng, hòa giải thì một trong các bên có quyền đưa tranh chấp ra giải quyết tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 10. Thời hạn của Hợp Đồng

Hợp Đồng có hiệu lực trong vòng 1 (một) năm kể từ ngày ký kết. Trong vòng 30 ngày trước khi hết hạn hợp đồng nếu một trong hai Bên không thể hiện bằng văn bản ý định chấm dứt hợp đồng với Bên còn lại thì hợp đồng này mặc nhiên xem như được gia hạn. Mỗi lần gia hạn là 12 tháng, số lần gia hạn không hạn chế.

Điều 11. Tính tổng thể của Hợp Đồng

Hợp Đồng bao gồm cả các Phụ lục kèm theo, tạo nên một thoả thuận hoàn chỉnh của các bên về vấn đề mà các bên hướng tới và bao gồm những cam đoan, lời hứa, bảo đảm, và những thống nhất giữa các bên về vấn đề này. Mỗi bên trong Hợp Đồng thừa nhận rằng không một cam đoan, lời hứa, hay thoả thuận nào, bằng miệng hay bằng văn bản, do bên kia đưa ra, hoặc do người đại diện thay mặt của bên đó đưa ra, mà không được thể hiện trong Hợp Đồng và các Phụ lục kèm theo, sẽ có ý nghĩa và hiệu lực ràng buộc các bên.

Điều 12. Vô hiệu từng phần

Một điều khoản nào đó của Hợp đồng này vô hiệu sẽ không làm vô hiệu các điều khoản khác trong Hợp đồng này. Nếu xảy ra trường hợp vô hiệu của một hoặc một số điều khoản, Các Bên cam kết sẽ bàn bạc để khắc phục nguyên nhân dẫn đến việc vô hiệu nói trên. Trong trường hợp không thể khắc phục được, Các Bên cam kết sẽ đàm phán trên tinh thần thiện chí để thay thế những điều khoản vô hiệu bằng những điều khoản mới để toàn bộ Hợp đồng tiếp tục có hiệu lực.

Điều 13. Điều khoản chung

13.1 Bất khả kháng

(a) Nếu một trong các bên không thể thực thi được toàn bộ hay một phần nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng do Sự Kiện Bất Khả Kháng là các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn ở các sự kiện như thiên tai, hoả hoạn, lũ lụt, động đất, tai nạn, thảm hoạ, hạn chế về dịch bệnh, nhiễm hạt nhân hoặc phóng xạ, chiến tranh, nội chiến, khởi nghĩa, đình công hoặc bạo loạn, can thiệp của Cơ quan Chính phủ, hệ thống thiết bị của các bên gặp sự cố kỹ thuật trong quá trình vận hành khai thác hoặc do hạn chế về khả năng kỹ thuật các hệ thống thiết bị thì bên đó sẽ phải nhanh chóng thông báo cho bên kia bằng văn bản về việc không thực hiện được nghĩa vụ của mình do Sự Kiện Bất Khả Kháng, và sẽ, trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, chuyển trực tiếp bằng thư bảo đảm cho bên kia các bằng chứng về việc xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng và khoảng thời gian xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng đó.

Bên thông báo việc thực hiện Hợp Đồng của họ trở nên không thể thực hiện được do Sự Kiện Bất Khả Kháng có trách nhiệm phải thực hiện mọi nỗ lực để hoặc giảm thiểu ảnh hưởng của Sự Kiện Bất Khả Kháng đó.

(b) Khi Sự Kiện Bất Khả Kháng xảy ra, thì nghĩa vụ của các Bên tạm thời không thực hiện và sẽ ngay lập tức phục hồi lại các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng khi chấm dứt Sự Kiện Bất Khả Kháng hoặc khi Sự Kiện Bất Khả Kháng đó bị loại bỏ.

13.2 Hiệu lực của Hợp Đồng

Hợp Đồng vẫn có giá trị trong những trường hợp một trong hai bên có sự thay đổi về nhân sự, cơ cấu quản lý (chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi...).

13.3 Thông báo

(a) Mọi thông báo và thông tin liên lạc chính thức liên quan đến Hợp Đồng sẽ được gửi tới địa chỉ của các bên như nêu tại phần đầu của Hợp Đồng.

- (b) Mọi thông báo và thông tin liên lạc khác hoặc thừa nhận được thực hiện theo Hợp Đồng sẽ chỉ có hiệu lực nếu được lập thành văn bản, bao gồm cả fax và telex, và chỉ được coi là đã gửi và nhận hợp lệ: (i) khi giao bằng tay có chữ ký của bên kia xác nhận đã nhận văn bản; (ii) nếu gửi bưu điện thì phải có xác nhận của đơn vị chuyên phát; (iii) trong trường hợp gửi bằng fax hay telex, khi gửi trong giờ làm việc bình thường tới địa điểm kinh doanh của người nhận, nếu có tín hiệu đã chuyển.
- (c) Cho mục đích của Điều này, các bên có thể thay đổi địa chỉ bằng cách gửi thông báo hợp lệ bằng văn bản cho bên kia.
- 13.4 Luật áp dụng
Việc lập Hợp Đồng, hiệu lực, giải thích, ký kết và giải quyết tranh chấp phát sinh từ Hợp Đồng sẽ tuân theo và được giải thích theo pháp luật của Việt Nam.
- 13.5 Số bản
Hợp Đồng được lập thành 04 (bốn) bản gốc, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG
ĐẦU MỐI LIÊN HỆ

(Kèm theo hợp đồng hợp tác số:...../HTC-...../VAS-2017
ký ngày/...../2017 giữa HTC và Công ty))

TT	Công việc	Bên A	Bên B
1	Kinh doanh	<i>Ông : Nguyễn Chí Cường</i> Chức vụ: Kinh doanh Email : cuong.nc@hanoitelecom.com Mobile: 0925.298.266	<i>Ông/Bà :</i> Chức vụ: Email : Mobile:
2	Kỹ thuật	<i>Ông : Phạm Ngọc Khánh</i> Chức vụ: Kỹ thuật Email : khanhpn@hanoitelecom.com Mobile: 0923.382.869	<i>Ông/Bà :</i> Chức vụ: Email : Mobile:
3	Đối soát	<i>Ông : Phạm Ngọc Khánh</i> Chức vụ: Kỹ thuật Email : khanhpn@hanoitelecom.com Mobile: 0923.382.869	<i>Ông/Bà :</i> Chức vụ: Email : Mobile:
4	Thanh toán	<i>Bà : Lê Mai Phương</i> Chức vụ: Kế toán Email : maiphuong@hanoitelecom.com Mobile: 01233.058.509	<i>Ông/Bà :</i> Chức vụ: Email : Mobile:

Phụ lục này có hiệu lực kể từ thời điểm có đầy đủ chữ ký của người có thẩm quyền của hai bên và là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng hợp tác cung cấp dịch vụ miễn cước người gọi số :/HTC-...../VAS-2017 ký ngày/...../2017 giữa hai Bên.

Phụ lục này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B